



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG**
Số: *02* /CBTT-MC17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày *01* tháng 06 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên Tổ chức phát hành: Công Ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Mã chứng khoán : MVC

Trụ sở chính: 306, Đường ĐT 743, KP.Trung Thắng, Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (+84-65) 0375 1518 Fax: (+84-65) 0375 1138

Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Quốc Bình – Kế toán trưởng

Địa chỉ: 306, Đường ĐT 743, KP.Trung Thắng, Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (+84-65) 0375 1518

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/06/2017 tại đường dẫn: www.vlxdbd.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Người được ủy quyền

công bố thông tin

Nguyễn Quốc Bình



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU
VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính bắt đầu từ 11/04/2016 kết thúc 31/12/2016

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 59



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính, bắt đầu từ ngày 11 tháng 04 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương (do Nhà Nước sở hữu 100% vốn điều lệ). Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là Công ty Cổ Phần kể từ ngày 11/04/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty Cổ Phần, mã số doanh nghiệp 3700148529, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 11 tháng 04 năm 2016 với vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng Giám Đốc.

Trụ sở chính:

Địa chỉ : Số 306, đường DT 743, KP.Trung Thắng, P.Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương.
Số điện thoại : 0650.3 751 518 – 3 751 516
Số Fax : 0650. 751 138
Mã số thuế : 3700148529

• Các đơn vị trực thuộc:

1. Xí nghiệp kinh doanh cầu đường 743

Địa chỉ: DT 743, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

2. Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng

Địa chỉ: DT 743, Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3. Nhà máy gạch ngói Bến Cát

Địa chỉ: Thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

4. Nhà máy gạch ngói Long Nguyên

Địa chỉ: Xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

5. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vật liệu & Xây dựng Bình Dương

Địa chỉ: Lô B – Ô số 30 phố thương mại, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo;
- Trồng cây cao su;



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 306, đường DT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

- Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát;
- Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, phụ tùng, phương tiện chuyên dùng ngành công nghiệp;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Khai thác quặng phi kim loại (đá, cát, đất);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Quản lý, khai thác và kinh doanh chợ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh xăng, dầu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông và công trình điện;
- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông và công trình điện;
- Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cầu đường;
- Gia công sửa chữa cơ điện;
- Dập thép hình, gia công các khung nhà, kho tàng;
- Đầu tư tài chính;
- Xây dựng, chuyển giao công nghệ lò nung tuynel;

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính bắt đầu từ ngày 11/04/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Đoàn Minh Quang	Việt Nam	Chủ tịch	02/04/2016	-
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Phó chủ tịch	02/04/2016	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 306, đường DT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

Hội đồng quản trị Công ty (tiếp theo)

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016	-
- Ông Lê Trọng Hiếu	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016	-
- Ông Phạm Tuấn Kiệt	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016	-

Ban Tổng Giám Đốc

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Tổng Giám Đốc	02/04/2016	-
- Ông Phạm Tuấn Kiệt	Việt Nam	Phó Tổng Giám Đốc	01/07/2016	-
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Phó Tổng Giám Đốc	02/04/2016	01/07/2016

Ban Kiểm Soát

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Bà Phạm Thị Băng Trang	Việt Nam	Trưởng Ban	02/04/2016	-
- Ông Hồ Huyền Trang	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016	-
- Ông Nguyễn Quốc Long	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016	-

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Quốc Bình	Việt Nam	Kế toán trưởng	02/04/2016	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính, bắt đầu từ ngày 11/04/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán có liên quan được áp dụng và đã được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 306, đường DT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI VĂN CHÁNH

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 bắt đầu từ ngày 11/04/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2017

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐOÀN MINH QUANG



Số: 366A /BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương
Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 11 tháng 04 năm 2016
và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 05 năm 2017, từ trang 07 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2017

**Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS
Phó Tổng Giám Đốc**



Kiểm toán viên

A blue ink signature of the auditor, written in a cursive style.

Lưu Vinh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0166-2013-142-1

Lê Văn Thắng

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0974-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	11/04/2016 (Xem TM số 9.10)
1	2	3	4	5
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		919.783.292.941	1.299.108.851.853
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	17.301.476.226	568.602.451.598
1. Tiền	111		17.301.476.226	568.602.451.598
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		461.177.971.960	580.787.474.992
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.2.1	3.709.700	3.709.700
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2.2	461.174.262.260	580.783.765.292
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.312.375.889	65.914.115.955
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	30.183.636.881	32.839.187.838
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.4	49.887.964.337	7.745.614.981
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.5	200.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.6.1	69.240.774.671	25.329.313.136
IV. Hàng tồn kho	140		91.414.095.507	83.732.992.491
1. Hàng tồn kho	141	6.7	91.414.095.507	83.732.992.491
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		577.373.359	71.816.817
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		577.373.359	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	6.8	-	71.816.817
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		755.127.723.423	723.967.609.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		542.118.221	466.467.466
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.6.2	542.118.221	466.467.466
II. Tài sản cố định	220		187.387.896.963	190.523.896.600
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.9	178.769.656.189	181.774.619.336
- Nguyên giá	222		418.936.976.977	451.822.855.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(240.167.320.788)	(270.048.236.511)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.10	8.618.240.774	8.749.277.264
- Nguyên giá	228		9.050.564.238	9.050.564.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(432.323.464)	(301.286.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	6.11	6.360.140.377	5.548.055.063
- Nguyên giá	231		9.036.788.626	7.769.282.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.676.648.249)	(2.221.227.899)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		44.056.463.269	9.714.961.324
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.12	44.056.463.269	9.714.961.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		443.876.984.218	425.876.984.218
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.2.3	425.848.469.700	425.848.469.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.2.3	28.514.518	28.514.518
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.2.2	18.000.000.000	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	11/04/2016 (Xem TM số 9.10)
1	2	3	4	5
VI. Tài sản dài hạn khác	260		72.904.120.375	91.837.244.644
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.13	72.257.639.170	91.219.818.492
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		646.481.205	617.426.152
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.674.911.016.364	2.023.076.461.168



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	11/04/2016 (Xem TM số 9.10)
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		608.736.751.622	1.023.076.461.168
I. Nợ ngắn hạn	310		608.274.750.622	1.022.626.460.168
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.14	22.911.792.370	40.515.865.268
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.15	15.394.175.354	5.329.846.506
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.8	7.840.475.066	37.013.707.673
4. Phải trả người lao động	314		17.636.451.921	6.237.376.651
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.16	3.481.654.716	2.719.877.069
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.17	157.506.273.250	747.686.137.981
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.18	366.371.845.434	171.942.374.011
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.132.082.511	11.181.275.009
II. Nợ dài hạn	330		462.001.000	450.001.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		462.001.000	450.001.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	6.19	1.066.174.264.742	1.000.000.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.066.174.264.742	1.000.000.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.271.897.224	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.902.367.518	-
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		58.902.367.518	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.674.911.016.364	2.023.076.461.168

Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Thuỳên Hương

Nguyễn Quốc Bình



Mai Văn Chánh

Phan Thị Thuỳên Hương

Nguyễn Quốc Bình

Mai Văn Chánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	421.553.556.576	611.785.969.429
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		421.553.556.576	611.785.969.429
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	345.517.028.696	491.729.150.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.036.527.880	120.056.819.030
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	50.269.555.041	192.723.351.866
7. Chi phí tài chính	22	7.4	14.276.902.096	8.763.240.128
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.275.880.766</i>	<i>8.764.557.249</i>
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	6.858.022.918	8.621.117.047
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	23.324.945.903	20.783.542.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		81.846.212.004	274.612.270.764
11. Thu nhập khác	31	7.7	328.680.456	3.979.288.398
12. Chi phí khác	32	7.8	30.012.053	3.340.173.941
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		298.668.403	639.114.457
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		82.144.880.407	275.251.385.221
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	9.454.963.216	48.100.949.120
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(29.055.053)	(363.464.980)
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		72.718.972.244	227.513.901.081
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.10	911	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.11	911	-



Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Huyền Hương

Nguyễn Quốc Bình



Phan Thị Huyền Hương

Nguyễn Quốc Bình

Mai Văn Chánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		82.144.880.407	275.251.385.221
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17.200.357.001	28.559.685.295
- Các khoản dự phòng	03		-	(2.300.428.005)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(539.665)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(50.249.267.635)	(192.990.341.952)
- Chi phí Lãi vay	06		14.275.880.766	8.764.557.249
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.371.850.539	117.284.318.143
- (Tăng)/giảm Các khoản phải thu	09		(25.999.512.395)	387.817.043
- (Tăng)/giảm Hàng tồn kho	10		(7.681.103.016)	3.348.316.838
- (Tăng)/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.720.503.538	14.299.144.438
- (Tăng)/giảm Chi phí trả trước	12		17.533.859.397	10.991.078.826
- (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(160.000)
- Tiền Lãi vay đã trả	14		(14.076.214.526)	(8.464.160.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(37.956.383.584)	(16.892.346.328)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	508.223.888.263
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(596.732.637.881)	(7.562.139.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(591.819.637.928)	621.615.757.149
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(107.503.455.556)	(20.450.325.291)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	706.120.000
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.000.000.000)	(896.876.652.161)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		101.609.503.032	820.775.420.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(90.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.983.143.657	77.261.248.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(153.910.808.867)	(108.584.189.357)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền thu từ đi vay	33		688.804.568.545	411.816.789.855
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(494.375.097.122)	(342.394.371.380)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(62.707.544.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		194.429.471.423	6.714.874.253
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(551.300.975.372)	519.746.442.045
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		568.602.451.598	48.855.469.888
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	539.665
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6.1	17.301.476.226	568.602.451.598

Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2017

Người lập biểu



Phan Thị Thuýn Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Bình

Tổng Giám đốc



Mai Văn Chánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.3 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau**- Xí nghiệp kinh doanh cầu đường**

Địa chỉ: ĐT 743, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

- Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng

Địa chỉ: ĐT 743, Bình Thắng, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

- Nhà máy gạch ngói Bến Cát

Địa chỉ: Thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Nhà máy gạch ngói Long Nguyên

Địa chỉ: Xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Chi Nhánh Công ty TNHH MTV Vật liệu & Xây dựng Bình Dương

Địa chỉ: Lô B – Ô số 30 phố thương mại, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**2.1 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty hoạt động theo hình thức Công ty Cổ Phần bắt đầu từ 11/04/2016 kết thúc ngày 31/12/2016.

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 11/04/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 11/04/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016.

5. Các chính sách kế toán áp dụng**5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:** Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

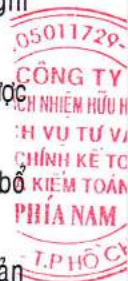
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

5.3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD.

Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thời gian khấu hao ước tính theo nhóm tài sản như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

5.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác

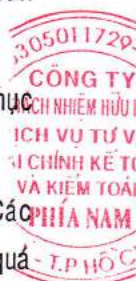
Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.7 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu vực mỏ sét đã có giấy phép khai thác được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa có giấy phép khai thác thì chưa phân bổ chi phí này.

5.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, dự phòng phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

5.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo vốn thực tế chủ sở hữu để lại doanh nghiệp sử dụng sau khi đã đầu tư đủ vốn điều lệ đã đăng ký; giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

5.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

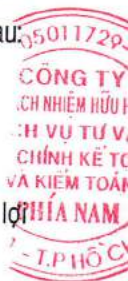
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**5.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

5.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**5.14 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

5.15 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	11/04/2016
- Tiền mặt	3.962.097.535	32.933.488.328
+ Tiền mặt (VND)	3.962.097.535	32.933.488.328
<i>Tiền mặt tại VP công ty</i>	947.248.290	30.326.112.498
<i>Tiền mặt tại xí nghiệp kinh doanh cầu đường</i>	306.439.697	845.915.309
<i>Tiền mặt tại Nhà máy gạch ngói Bến Cát</i>	271.336.288	588.829.921
<i>Tiền mặt tại Chi nhánh Bình Dương</i>	2.410.036.075	1.151.972.909
<i>Tiền mặt tại xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng</i>	27.037.185	20.657.691
- Tiền gửi ngân hàng	13.339.378.691	535.668.963.270
+ Tiền gửi (VND)	13.318.409.286	535.646.972.535
+ Tiền gửi ngoại tệ	20.969.405	21.990.735
- USD	9.155.656	9.438.005
- EUR	11.813.749	12.552.730
Cộng	17.301.476.226	568.602.451.598

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

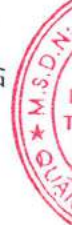
	31/12/2016			11/04/2016				
	Số CP sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số CP sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
6.2.1. Chứng khoán kinh doanh								
+ Công ty CP Cao Su Đà Nẵng (DRC)	11 CP	454.500	-	454.500	9 CP	454.500	-	454.500
+ Công ty CP Đầu tư và Xây Lắp Sông Đà (SDD)	56 CP	550.000	-	550.000	56 CP	550.000	-	550.000
+ Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP (PLC)	87 CP	1.473.500	-	1.473.500	114 CP	1.473.500	-	1.473.500
+ Công ty CP Ô tô giải phóng (GGG)	90 CP	1.231.700	-	1.231.700	90 CP	1.231.700	-	1.231.700
Cộng chứng khoán kinh doanh		3.709.700	-	3.709.700		3.709.700	-	3.709.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		11/04/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng:				
+ Ngân hàng OCB - Dĩ An	-	-		
+ Ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương	372.141.680.209	372.141.680.209	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Ngân hàng BIDV - CN Bình Dương	53.470.000.000	53.470.000.000	405.141.680.209	405.141.680.209
+ Ngân hàng Vietcombank - CN Bình Dương	1.071.102.809	1.071.102.809	53.470.000.000	53.470.000.000
+ Ngân hàng PT nhà ĐBSCL - CN Bình Dương	6.277.971.333	6.277.971.333	58.761.102.809	58.761.102.809
+ Ngân hàng Lienvietbank - CN Bình Dương	13.106.981.736	13.106.981.736	5.912.500.000	5.912.500.000
+ Ngân hàng BIDV - CN Mỹ Phước	15.106.526.173	15.106.526.173	12.909.767.691	12.909.767.691
- Các khoản đầu tư khác	-	-	14.588.714.583	14.588.714.583
Cộng	461.174.262.260	461.174.262.260	580.783.765.292	580.783.765.292
b. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng:				
+ Ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		11/04/2016			
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	425.848.469.700	-	425.848.469.700	425.848.469.700	-	425.848.469.700
Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp (i)	17.442.000.000	-	17.442.000.000	17.442.000.000	-	17.442.000.000
Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ (ii)	290.261.614.500	-	290.261.614.500	290.261.614.500	-	290.261.614.500
Công ty cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (iii)	28.144.855.200	-	28.144.855.200	28.144.855.200	-	28.144.855.200
Công ty TNHH Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng Hưng Thịnh (iv)	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000	-	90.000.000.000
b. Đầu tư vào các đơn vị khác	28.514.518	-	28.514.518	28.514.518	-	28.514.518
Đầu tư khác	28.514.518	-	28.514.518	28.514.518	-	28.514.518
Cộng	425.876.984.218	-	425.876.984.218	425.876.984.218	-	425.876.984.218

Ghi chú:

(i) **Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp: 50.161.240.000 đồng.**

Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương nắm giữ 1.500.012 cổ phần, chiếm tỷ lệ 29,90%. Trong năm, Công ty đã nhận cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 104.652 cổ phần.

(ii) **Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ: 164.402.020.000 đồng.**

Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương nắm giữ 6.202.171 cổ phần, chiếm tỷ lệ 37,73%. Trong năm, Công ty đã nhận cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là được 1.240.434 cổ phần.

(iii) **Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp: 30.415.420.000 đồng.**

Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương nắm giữ 913.794 cổ phần, chiếm tỷ lệ 30,04%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(iv) Khoản đầu tư vào Công Ty TNHH SX Vật Liệu Xây Dựng Hưng Thịnh (Công ty Hưng Thịnh) được thực hiện theo Nghị Quyết số 32/NQ-HĐTV ngày 18/01/2016 của Hội đồng thành viên. Theo Nghị Quyết trên và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty TNHH SX Vật Liệu Xây Dựng Hưng Thịnh (gọi tắt là Công ty SXVLXD Hưng Thịnh) mã số doanh nghiệp 3702436829, đăng ký lần đầu ngày 02/02/2016 do Phòng ĐKKD - Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty SXVLXD Hưng Thịnh là 225 tỷ đồng, công ty cam kết góp 40% vốn điều lệ với số tiền tương ứng là 90 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã thực hiện góp đủ số đã cam kết.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Hưng Thịnh. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty Hưng Thịnh đang giai đoạn đến bù, chuẩn bị sản xuất. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty Hưng Thịnh không bị lỗ nên Công ty không xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Khoản mục phải thu khách hàng của công ty chủ yếu do các xí nghiệp trực tiếp quản lý và thu nợ.

	31/12/2016	11/04/2016
- Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư Xây dựng (i)	5.440.441.819	4.330.937.193
- Nhà máy Gạch ngói Bến Cát (ii)	3.715.769.147	4.924.458.336
- Văn phòng đại diện (ii)	5.971.145.026	7.653.935.363
- Đối tượng khác (ii)	15.056.280.889	15.929.856.946
Cộng	30.183.636.881	32.839.187.838

- (i) Chủ yếu là khoản còn phải thu 10% của các hợp đồng bán nền đất của các dự án khu dân cư Bình An, khu Thương mại Tân Phước Khánh, phải thu các hợp đồng xây lắp. Hầu hết, các khoản phải thu này chưa được khách hàng xác nhận.
- (ii) Chủ yếu là khoản phải thu khách hàng mua vật liệu xây dựng và dầu DO.

Trong đó, Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh số 9.3.2 Giao dịch với bên có liên quan.

6.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	11/04/2016
- Cơ sở cơ khí Dương Hải (i)	30.770.000.000	7.200.140.000
- Ông Nguyễn Văn Hiệu (ii)	10.850.000.000	-
- Ông Đoàn Quang Nam (iii)	7.263.000.000	-
- Đối tượng khác	1.004.964.337	545.474.981
Cộng	49.887.964.337	7.745.614.981

- (i) Số dư 30.770.000.000 đồng (Ba mươi tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng) tại thời điểm 31/12/2016 là khoản trả trước theo Hợp đồng xây dựng và chuyển giao công nghệ số 270516/HDKTDH-MC ngày 27/05/2016. Doanh nghiệp tư nhân Dương Hải thiết kế, tính toán, cung cấp vật tư thiết bị, xây dựng, đào tạo và chuyển giao công nghệ cho Công ty Vật liệu và xây dựng Bình Dương 01 dây chuyền sản xuất gạch Tuynel 100 triệu viên/năm tại Nhà máy gạch Long Nguyên.
- (ii) Trả trước tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã Long Nguyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
- (iii) Trả trước tiền mua xe ô tô

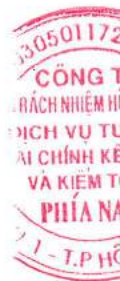
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	11/04/2016
Công ty TNHH Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng Hưng Thịnh	200.000.000.000	-
Cộng	200.000.000.000	-

Căn cứ nghị quyết Hội Đồng Quản trị số 03/NQ-HĐQT ban hành ngày 06 tháng 06 năm 2016 của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương về việc cho Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây Dựng Hưng Thịnh vay ngắn hạn với số tiền là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng) để đầu tư khai thác và chế biến đá tại các mỏ đá ở huyện Bắc Tân Uyên và huyện Phú Giáo. Lãi suất cho vay bằng lãi suất vay thấu chi của Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi Nhánh Nam Bình Dương.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.6 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		11/04/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.6.1. NGẮN HẠN				
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	16.277.347.373	-	22.675.380.433	-
Lãi dự thu tiền cho vay	4.684.444.444	-	-	-
Tạm ứng cho công nhân viên (i)	11.588.901.682	-	866.149.178	-
Phải thu tiền quyết toán bảo hiểm xã hội, y tế Tỉnh Bình Dương	-	-	50.926.796	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	1.277.959.543	-
Phải thu khác	36.690.081.172	-	458.897.186	-
Cộng	69.240.774.671	-	25.329.313.136	-
6.6.2. DÀI HẠN				
Tiền ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét Long Nguyên	542.118.221	-	466.467.466	-
Cộng	542.118.221	-	466.467.466	-

(i) Trong đó, có khoản tạm ứng cho Ông Nguyễn Quốc Long với số tiền là 10.069.000.000 đồng (Mười tỷ không trăm sáu mươi chín triệu đồng) để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thuộc dự án Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên 2 - Giai đoạn 2 theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 15/11/2016.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		11/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.580.768.792	-	6.423.578.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	68.857.233.488	-	73.565.560.484	-
Thành phẩm	2.558.393.751	-	3.343.223.932	-
Hàng hoá	12.417.699.476	-	400.629.497	-
Cộng	91.414.095.507	-	83.732.992.491	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 và 11/04/2016;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2016 và 11/04/2016;

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:

	31/12/2016	11/04/2016
- Các công trình nhận thầu xây dựng	7.027.473.430	7.922.965.896
- Chi phí SX KDDD của các dự án bất động sản gồm:	44.216.095.042	46.388.617.583
+ Dự án KDC Hóa An	26.513.949.324	30.673.935.456
+ Dự án Tân Phước Khánh	15.016.112.246	13.301.054.110
+ Dự án KDC Bình An	2.686.033.472	2.413.628.017
- Chi phí sản xuất Nhà máy gạch ngói Bến Cát	17.199.033.778	18.686.355.805
- Chi phí sản xuất Nhà máy gạch ngói Long Nguyễn	414.631.238	567.621.200
Cộng	68.857.233.488	73.565.560.484



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	11/04/2016		Số phải nộp		Số đã thực nộp		31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
Thuế tài nguyên	70.704.317	-	615.253.200	490.300.080	-	-	54.248.803	-
Thuế giá trị gia tăng	-	1.015.807.286	7.953.002.948	8.968.810.234	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	32.956.383.584	9.454.963.216	37.956.383.584	-	-	4.454.963.216	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	69.822.939	151.661.000	41.706.400	-	-	179.777.539	-
Phí, Lệ phí & Các Khoản phải nộp khác	1.112.500	2.971.693.864	299.088.564	118.184.420	-	-	3.151.485.508	-
- <i>Phí môi trường</i>	1.112.500	-	153.813.300	118.184.420	-	-	34.516.380	-
- <i>Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</i>	-	2.971.693.864	145.275.264	-	-	-	3.116.969.128	-
Cộng	71.816.817	37.013.707.673	18.473.968.928	47.575.384.718	-	-	7.840.475.066	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 11/04/2016	414.879.855.756	29.177.800.728	6.854.363.636	910.835.727	-	451.822.855.847
Số tăng trong kỳ	21.724.985.790	22.163.636.364	5.814.890.910	-	-	49.703.513.064
- Mua trong kỳ	21.724.985.790	22.163.636.364	5.814.890.910	-	-	49.703.513.064
Số giảm trong kỳ	81.076.866.817	1.512.525.117	-	-	-	82.589.391.934
- Thanh lý, nhượng bán	-	133.600.000	-	-	-	133.600.000
- Giảm khác	81.076.866.817	1.378.925.117	-	-	-	82.455.791.934
Số dư 31/12/2016	355.527.974.729	49.828.911.975	12.669.254.546	910.835.727	-	418.936.976.977
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 11/04/2016	(249.887.792.958)	(17.077.406.141)	(2.491.404.698)	(591.632.714)	-	(270.048.236.511)
Số tăng trong kỳ	(14.863.603.843)	(1.812.177.205)	(1.231.463.273)	(85.580.957)	-	(17.992.825.278)
- Khấu hao trong kỳ	(14.863.603.843)	(1.812.177.205)	(1.231.463.273)	(85.580.957)	-	(17.992.825.278)
Số giảm trong kỳ	(46.381.503.290)	(1.492.237.711)	-	-	-	(47.873.741.001)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(113.312.594)	-	-	-	(113.312.594)
- Giảm khác	(46.381.503.290)	(1.378.925.117)	-	-	-	(47.760.428.407)
Số dư 31/12/2016	(218.369.893.511)	(17.397.345.635)	(3.722.867.971)	(677.213.671)	-	(240.167.320.788)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 11/04/2016	164.992.062.798	12.100.394.587	4.362.958.938	319.203.013	-	181.774.619.336
Tại ngày 31/12/2016	137.158.081.218	32.431.566.340	8.946.386.575	233.622.056	-	178.769.656.189



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

Ghi chú:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (Đường ĐT 743-I)
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

	31/12/2016	11/04/2016
:	Không có	Không có
:	18.731.447.878	18.731.447.878
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư 11/04/2016	9.000.564.238	50.000.000	9.050.564.238
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư 31/12/2016	9.000.564.238	50.000.000	9.050.564.238
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư 11/04/2016	(263.786.977)	(37.499.997)	(301.286.974)
Số tăng trong kỳ	(128.027.230)	(3.009.260)	(131.036.490)
- Khấu hao trong kỳ	(128.027.230)	(3.009.260)	(131.036.490)
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư 31/12/2016	(391.814.207)	(40.509.257)	(432.323.464)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 11/04/2016	8.736.777.261	12.500.003	8.749.277.264
Tại ngày 31/12/2016	8.608.750.031	9.490.743	8.618.240.774

(*) Bao gồm

- Giá trị quyền sử dụng đất tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 30.160,7 m² với thời hạn sử dụng đến 23/03/2058 có nguyên giá là 7.650.564.238 đồng.

- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại lô B - ô số 30, phố thương mại, phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, diện tích 90m² có nguyên giá là 1.350.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6 .11 TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	11/04/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2016
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	7.769.282.962	1.267.505.664	-	9.036.788.626
- Quyền sử dụng đất (i)	1.789.530.300	-	-	1.789.530.300
- Nhà cửa và vật kiến trúc	5.979.752.662	1.267.505.664	-	7.247.258.326
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.221.227.899)	(455.420.350)	-	(2.676.648.249)
- Quyền sử dụng đất (i)	(39.456.567)	-	-	(39.456.567)
- Nhà cửa và vật kiến trúc	(2.181.771.332)	(455.420.350)	-	(2.637.191.682)
Giá trị còn lại	5.548.055.063	812.085.314	-	6.360.140.377
- Quyền sử dụng đất	1.750.073.733	-	-	1.750.073.733
- Nhà cửa và vật kiến trúc	3.797.981.330	812.085.314	-	4.610.066.644

- (i) - Giá trị quyền sử dụng đất tại xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 3.209 m2 với thời hạn sử dụng đến 14/06/2060.
- Giá trị quyền sử dụng đất tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích 1.535,7 m2 với thời hạn sử dụng đến 31/08/2055.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2016</u>	<u>11/04/2016</u>
Công trình mở rộng trại phơi nhà máy Bến Cát	-	5.679.254.118
Công trình Nhà Máy Gạch ngói Bến Cát	2.931.232.963	2.769.581.711
Công trình mở rộng đường vào Nhà máy gạch Long Nguyên	-	785.713.809
Công trình sửa chữa Văn phòng công ty - Nhà trưng bày sản phẩm	-	317.001.045
Công trình sửa chữa văn phòng Xí nghiệp Xây Dựng	321.176.159	163.410.641
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây dựng Nhà máy gạch Long Nguyên 2 - Giai đoạn 2	9.793.624.000	-
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây dựng các khu dân cư	30.445.000.000	-
Các hạng mục khác	565.430.147	-
Cộng	<u>44.056.463.269</u>	<u>9.714.961.324</u>

6.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>11/04/2016</u>
Chi phí chuyển quyền sử dụng đất, chi phí đền bù về đất của Nhà Máy Gạch Ngói Mỹ Phước, Long Nguyên	33.083.523.427	35.337.764.047
Chi phí khai thác đất tầng phủ tại mỏ sét Bến Cát	1.759.244.751	3.885.307.349
Duy tu mặt đường tuyến Bình Thung - Đông Tân	-	4.185.558
Thảm nhựa mặt đường từ quốc lộ 1K- Cầu Bà Hiệp	808.871.111	1.977.240.488
Chi phí thảm nhựa đoạn đường từ ngã 6 An Phú - Ngã 3 Vườn Tràm	-	1.777.464.801
Chi phí thi công HTKT từ quốc lộ 1K - Cầu Bà Hiệp	-	1.400.446.225
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	32.143.956.578	42.858.608.772
Chi phí khác	4.462.043.303	3.978.801.252
	<u>72.257.639.170</u>	<u>91.219.818.492</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		11/04/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Bên liên quan		-		-
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ	15.330.219.880	15.330.219.880	23.488.097.803	23.488.097.803
Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Nhị Hiệp	3.509.591.025	3.509.591.025	3.606.071.048	3.606.071.048
Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp	1.173.460.365	1.173.460.365	2.569.941.183	2.569.941.183
Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV	-	-	3.241.100.000	3.241.100.000
b. Phải trả người bán khác		-		-
Công ty CP GTXD Bình Dương	188.000.000	188.000.000	628.000.000	628.000.000
Các đối tượng khác	2.604.671.267	2.604.671.267	5.121.010.607	5.121.010.607
c. Phải trả người bán khác do các xí nghiệp theo dõi, thanh toán gồm:				
- Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	65.249.833	65.249.833	1.821.320.227	1.821.320.227
- Xí nghiệp kinh doanh cầu đường	40.600.000	40.600.000	40.324.400	40.324.400
Cộng	22.911.792.370	22.911.792.370	40.515.865.268	40.515.865.268

6.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn của công ty chủ yếu do các xí nghiệp trực tiếp theo dõi, cụ thể như sau:

	31/12/2016	11/04/2016
Xí nghiệp xây dựng	13.522.979.690	3.012.046.543
- Khu thương mại Tân Phước Khánh	8.450.051.000	55.308.543
- Ban quản lý dự án TX Bến Cát	4.432.035.147	2.866.821.000
- Các đối tượng khác	640.893.543	89.917.000
Nhà máy gạch ngói Bến Cát	1.155.602.718	2.023.206.695
Chi nhánh TP Mới Bình Dương	275.133.804	187.605.463
Các đối tượng khác	440.459.142	106.987.805
Cộng	15.394.175.354	5.329.846.506

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6 .16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>11/04/2016</u>
- Chi phí hạ tầng Khu TM Tân Phước Khánh	1.500.000.000	1.500.000.000
- Chi phí hạ tầng KDC Bình An	296.004.944	296.004.944
- Chi phí phục hồi môi trường	542.118.221	466.467.466
- Trích trước chi phí thi công trạm y tế Đông Hòa	-	146.264.946
- Trích trước lãi vay	510.805.953	311.139.713
- Khác	632.725.598	-
Cộng	<u>3.481.654.716</u>	<u>2.719.877.069</u>

6 .17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>11/04/2016</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	10.412.384	-
- BHXH phải nộp	30.127.683	-
- Kinh phí công đoàn	-	87.220.020
- Khoản giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ bảo hành	1.782.805.210	662.417.000
- Lợi nhuận sau thuế trước 11/04/2016	150.661.117.019	746.799.854.900
- Các khoản phải trả khác (tiền bảo hành,...)	5.021.810.954	136.646.061
Cộng	<u>157.506.273.250</u>	<u>747.686.137.981</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6 .18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Vay và nợ thuế	31/12/2016		Phát sinh		11/04/2016
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (*)	366.371.845.434	366.371.845.434	688.804.568.545	494.375.097.122	171.942.374.011
Cộng	366.371.845.434	366.371.845.434	688.804.568.545	494.375.097.122	171.942.374.011

(*) Gồm các hợp đồng sau:

1. Theo Hợp đồng vay theo hạn mức số 135/2016/83579/HDTD ngày 31/05/2016:

- Hạn mức cho vay : 150.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
- Lãi suất vay : được xác định theo từng kế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/2016 là 6,4 %/năm;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; mở L/C và bảo lãnh;
- Tài sản thế chấp : 20 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Bình Dương với tổng giá trị là 389.000.000.000 đồng.
- Số dư vay kế ước tại ngày 31/12/2016 là 34.219.152.028 đồng

2. Theo Hợp đồng thấu chi số 137/2016/83579/HĐ

- Hạn mức thấu chi : 300.000.000.000 đồng
- Mục đích thấu chi : Bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời.
- Thời hạn thấu chi : Từ ngày ký hợp đồng đến 31/05/2017
- Lãi suất vay : 6,2 %/năm
- Số dư vay thấu chi tại ngày 31/12/2016 là : 332.152.693.406 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính bắt đầu từ 11/04/2016 kết thúc 31/12/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	783.354.294.117	20.813.665.341	205.161.689.235	20.281.920.149	(6.465.419.233)	1.023.146.149.609
- Lợi nhuận tăng trong kỳ trước	-	-	-	-	227.513.901.081	227.513.901.081
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	40.522.108.513	(40.522.108.513)	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	(11.911.978.000)	(11.911.978.000)
+ <i>Phân phối cho chủ sở hữu</i>	-	-	-	-	(82.639.608.529)	(82.639.608.529)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 10/04/2016	783.354.294.117	20.813.665.341	205.161.689.235	60.804.028.662	85.974.786.806	1.156.108.464.161
Xác định vốn Nhà Nước	216.645.705.883	(20.813.665.341)	(205.161.689.235)	(60.804.028.662)	(85.974.786.806)	(156.108.464.161)
Số dư tại 11/04/2016	1.000.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	72.718.972.244	72.718.972.244
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	7.271.897.224	(7.271.897.224)	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	(6.544.707.502)	(6.544.707.502)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	1.000.000.000.000	-	-	7.271.897.224	58.902.367.518	1.066.174.264.742



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

6.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 02/04/2016 với mức trích lập các quỹ cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10%
- Quỹ khen thưởng - phúc lợi: 7%
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 1%
- Quỹ thưởng Ban Quản lý, điều hành công ty: 1%

6.19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	11/04/2016
Vốn đầu tư của Nhà nước (Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV)	490.000.000.000	490.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	510.000.000.000	510.000.000.000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

6.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	1.000.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	
+ Vốn góp giảm trong kỳ	
+ Vốn góp cuối kỳ	1.000.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

6.19.4. Cổ phiếu

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra Công chúng	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

6.19.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	:	Chưa công bố
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	:	không phát sinh
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	:	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	:	không phát sinh

6.20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>11/04/2016</u>
6.20.1. Ngoại tệ các loại		
- USD	413,18	424,18
- EUR	497,68	497,67
6.20.2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Không có	Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
DOANH THU		
Doanh thu bán thành phẩm	62.254.780.608	90.492.113.623
Doanh thu bán hàng hóa	261.126.436.863	343.870.923.262
Doanh thu kinh doanh đường BOT	75.655.077.273	144.637.195.452
Doanh thu hoạt động xây dựng	11.305.319.413	11.698.236.880
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.995.578.783	10.096.931.121
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.216.363.636	10.990.569.091
Cộng	421.553.556.576	611.785.969.429

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan

- Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp (Công ty liên kết)	311.000.000	469.729.861
- Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Nhị Hiệp (Công ty liên kết)	49.629.323.520	99.721.995.987
- Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ (Công ty liên kết)	738.873.003	1.167.945.435

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	421.553.556.576	611.785.969.429
--	------------------------	------------------------

7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
Giá vốn bán thành phẩm	50.636.127.344	77.110.331.901
Giá vốn bán hàng hóa	240.734.130.074	325.269.145.677
Giá vốn kinh doanh đường BOT	31.509.084.517	63.428.409.770
Giá vốn hoạt động xây dựng	11.815.702.918	10.028.786.424
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.605.620.207	8.590.359.141
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.216.363.636	7.302.117.486
Cộng	345.517.028.696	491.729.150.399

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.702.687.547	48.382.867.694
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	20.566.867.494	34.220.106.968
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	560.874
Đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	110.119.656.330
Khác	-	160.000
Cộng	50.269.555.041	192.723.351.866

(*) Cổ tức, lợi nhuận được chia:

+ Công ty cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp	913.794.000	3.472.417.200
+ Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp	1.046.520.000	976.752.000
+ Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	18.606.510.000	29.770.422.000
+ Các công ty khác	43.494	515.768

Cộng	20.566.867.494	34.220.106.968
-------------	-----------------------	-----------------------

7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
Chi phí lãi vay	14.275.880.766	8.764.557.249
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(1.338.330)
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	776.580	-
Khác	244.750	21.209
Cộng	14.276.902.096	8.763.240.128

7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
- Chi phí nhân viên	3.532.335.960	3.429.829.120
- Chi phí khấu hao TSCĐ	642.781.669	280.168.091
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.908.063.621	3.310.110.423
- Chi phí bằng tiền khác	774.841.668	1.601.009.413
Cộng	6.858.022.918	8.621.117.047

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
- Chi phí nhân viên	5.166.162.228	10.560.047.149
- Chi phí vật liệu quản lý	49.676.622	105.855.172
- Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	195.482.909	424.269.019
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ	1.605.257.070	534.100.788
- Thuế, phí, lệ phí	429.690.045	7.637.637
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	532.524.243	2.830.500.334
- Chi phí bằng tiền khác	15.346.152.786	6.321.132.858
Cộng	23.324.945.903	20.783.542.957

7.7 THU NHẬP KHÁC

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
- Xử lý công nợ	7.423.718	2.462.590
- Thanh lý tài sản cố định, phế liệu	-	204.727.324
- Thu lại tiền thù lao của người đại diện vốn tại DN khác	-	779.745.000
- Thu nhập khác từ XN kinh doanh cầu đường 743	179.555.342	1.091.025.686
- Xử lý tài sản thừa	-	1.621.962.235
- Thu nhập khác	141.701.396	279.365.563
Cộng	328.680.456	3.979.288.398

7.8 CHI PHÍ KHÁC

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
- Giá trị còn lại thanh lý tài sản cố định	20.287.406	-
- Chi tiền thù lao của người đại diện vốn tại DN khác	-	1.352.084.000
- Phạt vi phạm hành chính	-	190.530.262
- Chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (giai đoạn 1/07/2011 đến 31/12/2014)	-	1.662.191.222
- Khác	9.724.647	135.368.457
Cộng	30.012.053	3.340.173.941

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

7.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.144.880.407	275.251.385.221
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.	243.470.469	7.507.855.161
- Các khoản điều chỉnh tăng	243.470.469	7.507.855.161
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	82.388.350.876	282.759.240.382
<i>trong đó,</i>		
Hoạt động sản xuất kinh doanh		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	82.388.350.876	278.741.305.044
- Thu nhập miễn thuế (Cổ tức)	(20.566.867.494)	(34.220.106.968)
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	61.821.483.382	244.521.198.076
- Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành	12.364.296.676	53.794.663.577
- Thuế TNDN được miễn giảm, được áp dụng thuế suất hiện hành	(2.909.333.460)	(6.577.660.231)
+ Thuế TNDN giảm do áp dụng khác thuế suất hiện hành	-	-
+ Thuế TNDN được giảm trong thời gian hưởng ưu đãi về thuế	(2.909.333.460)	(6.577.660.231)
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh	9.454.963.216	47.217.003.346
Hoạt động kinh doanh bất động sản		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	4.017.935.338
- Chuyển lỗ	-	-
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	883.945.774
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	883.945.774
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.454.963.216	48.100.949.120

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính 2016 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7.10 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	72.718.972.244
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	6.544.707.502
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	72.602.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	911

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

7.11 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	72.718.972.244
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	6.544.707.502
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	72.602.740
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	911

8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8.1 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Không có khoản tiền và tương đương tiền lớn nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

8.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	688.804.568.545	411.816.789.855

8.3 Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	494.375.097.122	342.394.371.380

9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**9.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có****9.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:**

Sau ngày kết thúc năm tài chính bắt đầu từ ngày 11/04/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

9.3 Thông tin về các bên liên quan**9.3.1. Bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Nhị Hiệp	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng Hưng Thịnh	Công ty liên kết

9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng như sau:

	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
Lương, thưởng của các thành viên quản lý chủ chốt	630.593.000	3.226.819.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-
Cộng	630.593.000	3.226.819.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
Tổng Công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ – TNHH một thành viên			
	Mua hàng	46.871.928.000	46.944.912.000
	Thanh toán tiền hàng	50.153.590.000	43.703.812.000
	Lợi nhuận còn phải trả	-	82.639.608.529
	Lợi nhuận đã trả	87.973.749.383	62.707.544.222
Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp			
	Mua hàng	14.419.617.137	21.042.685.040
	Thanh toán tiền hàng	15.816.097.955	18.706.297.727
	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	342.100.000	1.284.739.979
	Đã thu tiền cung cấp dịch vụ	342.100.000	1.284.739.979
Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ			
	Mua hàng	158.003.196.456	213.059.612.212
	Thanh toán tiền hàng	166.161.074.379	196.434.762.855
	Phải thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	812.760.303	516.702.847
	Đã thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	812.760.303	516.702.847

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan (Tiếp theo)

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 11/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 10/04/2016
Công ty cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp			
	Mua hàng	27.864.690.102	40.215.547.352
	Thanh toán tiền hàng	27.961.170.125	37.087.193.017
	Phải thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	54.635.808.711	109.664.195.531
	Đã thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	59.108.815.910	103.085.766.720
Công ty TNHH Sản Xuất VLXD Hưng Thịnh			
	Góp vốn	-	90.000.000.000
	Cho vay	200.000.000.000	-

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2016	11/04/2016
Tổng Công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ – TNHH một thành viên			
	Phải trả tiền mua hàng	-	3.241.100.000
	Trả trước tiền hàng	40.562.000	-
	Lợi nhuận còn phải trả	150.661.117.019	238.634.866.402
Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp			
	Phải trả tiền mua hàng	1.173.460.365	2.569.941.188
Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải trả tiền mua hàng	15.330.219.880	23.488.097.803
Công ty cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp			
	Phải trả tiền mua hàng	3.509.591.025	3.606.071.048
	Phải thu tiền bán hàng	7.114.332.542	11.587.339.741
Công ty TNHH Sản Xuất VLXD Hưng Thịnh			
	Góp vốn	90.000.000.000	90.000.000.000
	Phải thu về cho vay	200.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

9.4 Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

9.4.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

9.4.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Thành phẩm	Hàng hóa	Đường BOT	Hoạt động xây dựng	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
Doanh thu	62.254.780.608	261.126.436.863	75.655.077.273	11.305.319.413	6.995.578.783	4.216.363.636	421.553.556.576
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn	50.636.127.344	240.734.130.074	31.509.084.517	11.815.702.918	6.605.620.207	4.216.363.636	345.517.028.696
Lợi nhuận gộp	11.618.653.264	20.392.306.789	44.145.992.756	(510.383.505)	389.958.576	-	76.036.527.880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

9.5 QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

9.5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thường xuyên theo dõi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, cân đối thu chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

c. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

9.5.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thương mại như sau:

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

- + Đối với nhà phân phối: Công ty có các nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán tiền hàng cho công ty;

- + Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng;

- + Đối với các cá nhân hoặc tổ chức mua nền nhà, căn hộ của các dự án bất động sản: khách hàng phải thanh toán tiền trước 90% trên giá trị hợp đồng mới được bàn giao nền nhà, căn hộ;

- + Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng. Một số trường hợp đặc biệt, Công ty cho khách hàng thanh toán sau khi nhận hàng dựa trên đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng này.

- + Một số trường hợp khác sẽ do Ban Tổng Giám đốc của công ty xem xét, đánh giá khả năng thanh toán từng khách hàng cụ thể để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp;

9.5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
31/12/2016				
Vay và nợ	366.371.845.434	-	-	366.371.845.434
Phải trả người bán	22.911.792.370	-	-	22.911.792.370
Phải trả người lao động	17.636.451.921	-	-	17.636.451.921
Chi phí phải trả	3.481.654.716	-	-	3.481.654.716
Các khoản phải trả khác	157.506.273.250	462.001.000	-	157.968.274.250
Cộng	567.908.017.691	462.001.000	-	568.370.018.691

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
11/04/2016				
Vay và nợ	171.942.374.011	-	-	171.942.374.011
Phải trả người bán	40.515.865.268	-	-	40.515.865.268
Phải trả người lao động	6.237.376.651	-	-	6.237.376.651
Chi phí phải trả	2.719.877.069	-	-	2.719.877.069
Các khoản phải trả khác	747.686.137.981	450.001.000	-	748.136.138.981
Cộng	969.101.630.980	450.001.000	-	969.551.631.980

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tại ngày 10 tháng 04 năm 2016, Công ty có thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng với giá trị là 75.000.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn (20 hợp đồng tiền gửi còn chưa đáo hạn) với tổng giá trị là 389.000.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 11 tháng 04 năm 2016.

9.6 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	11/04/2016	31/12/2016	11/04/2016
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.301.476.226	568.602.451.598	17.301.476.226	568.602.451.598
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	479.174.262.260	580.783.765.292	479.174.262.260	580.783.765.292
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	3.709.700	3.709.700	3.709.700	3.709.700
Phải thu khách hàng	30.183.636.881	32.839.187.838	30.183.636.881	32.839.187.838
Trả trước cho người bán	49.887.964.337	7.745.614.981	49.887.964.337	7.745.614.981
Các khoản phải thu khác	69.782.892.892	25.795.780.602	69.782.892.892	25.795.780.602
Cộng	646.333.942.296	1.215.770.510.011	646.333.942.296	1.215.770.510.011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	11/04/2016	31/12/2016	11/04/2016
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	22.911.792.370	40.515.865.268	22.911.792.370	40.515.865.268
Người mua trả tiền trước	15.394.175.354	5.329.846.506	15.394.175.354	5.329.846.506
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	366.371.845.434	171.942.374.011	366.371.845.434	171.942.374.011
Phải trả người lao động	17.636.451.921	6.237.376.651	17.636.451.921	6.237.376.651
Chi phí phải trả	3.481.654.716	2.719.877.069	3.481.654.716	2.719.877.069
Các khoản phải trả khác	157.968.274.250	748.136.138.981	157.968.274.250	748.136.138.981
Cộng	583.764.194.045	974.881.478.486	583.764.194.045	974.881.478.486

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Riêng khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý bằng cách giảm trừ khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của công ty và công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

9.7 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	11/04/2016
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	54,9%	64,2%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	45,1%	35,8%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	36,3%	50,6%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	63,7%	49,4%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,03	0,56
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,40	2,00
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,51	2,14
Tỷ suất sinh lợi		Từ 11/04/2016	Từ 01/01/2016
		đến 31/12/2016	đến 10/04/2016
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	19,49%	44,99%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	17,25%	37,19%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	4,4%	16,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	3,9%	13,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,0%	22,5%

9.8 ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY**9.9 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính từ 11/04/2016 đến 31/12/2016

9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 10/04/2016 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam kiểm toán. Số liệu này được trình bày lại theo kết quả kiểm tra của Cục Thuế Tỉnh Bình Dương và trình bày lại một số chỉ tiêu theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ban hành ngày 05/09/2014 khi công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đã trình bày	Điều chỉnh	Trình bày lại
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
TÀI SẢN					
1	Phải thu ngắn hạn khác	136	25.060.869.991	268.443.145	25.329.313.136
Tổng cộng điều chỉnh tài sản				268.443.145	
NGUỒN VỐN					
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	36.632.058.240	381.649.433	37.013.707.673
3	Phải trả ngắn hạn khác	319	591.690.880.108	155.995.257.873	747.686.137.981
4	Vốn góp của chủ sở hữu	411	783.354.294.117	216.645.705.883	1.000.000.000.000
5	Vốn khác của chủ sở hữu	414	20.813.665.341	(20.813.665.341)	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	205.161.689.235	(205.161.689.235)	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	418	60.804.028.662	(60.804.028.662)	-
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	85.974.786.806	(85.974.786.806)	-
Tổng cộng điều chỉnh nguồn vốn				268.443.145	

9.11 THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm chính thức phát hành báo cáo này, Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền chưa chính thức phê duyệt chi phí cổ phần hóa, xác định vốn Nhà Nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ Phần,... Do vậy, một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Bình Dương, ngày 19 tháng 05 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phan Thị Thuỳên Hương

Nguyễn Quốc Bình

Mại Văn Chánh

